

Số: 15/2019/QĐST – HNGĐ.

BĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 493/2018/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Tống Thanh S; Sinh năm 1990.

HKTT: Thôn 9, xã TN, huyện BĐ, tỉnh BP.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng N; Sinh năm 1992.

HKTT: Thôn 9, xã TN, huyện BĐ, tỉnh BP.

Nơi cư trú: Vàm thực A, xã KH, huyện TVT, tỉnh CM

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 12 tháng 01 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tống Thanh S và chị Nguyễn Hồng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N đồng ý thuận tình ly hôn với anh Tống Thanh S.

b. Về con chung: Anh Tống Thanh S có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Tống Hoàng T, sinh ngày 06/01/2010; Chị Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Tống Phú Q, sinh ngày 16/12/2011.

Anh S và chị N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

c. Về tài sản, nợ chung: Anh S và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Anh S tự nguyện nhận nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009018 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ; Anh S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- UBND xã TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

NGUYỄN VĂN HUỆ